

HAI BÀI VĂN BIA CỦA HOÀNG ĐẾ TRIỀU NGUYỄN Ở QUỐC TỬ GIÁM - HUẾ

PHAN ĐĂNG*

Tóm tắt: Bài này giới thiệu hai bài văn bia do hai hoàng đế nhà Nguyễn là Thiệu Trị (1841-1847) và Tự Đức (1848-1883) viết và cho khắc lên đá, dựng ở Quốc Tử Giám triều Nguyễn - Huế. Trong đó, bia do vua Thiệu Trị soạn năm 1843, hiện dựng ngay giữa sân Quốc Tử Giám, do thời gian và chiến tranh, mặt bia này đã bị vỡ vài chỗ; bia do vua Tự Đức soạn vào năm 1854, nguyên dựng phía ngoài sân, cũng từ những nguyên nhân trên, chữ trên bia này đã mòn, không còn đọc được đã hơn 30 năm nay. Chúng tôi đã kịp thời chép lại cách đây hơn 40 năm, đồng thời tra cứu thêm nhiều tư liệu của triều đình nhà Nguyễn, đã khôi phục được nguyên bản chữ Hán, xin trân trọng giới thiệu đến người đọc.

Từ khóa: Quốc Tử Giám, bia Quốc Tử Giám Huế, văn bia Huế

Abstract: This article introduces two inscriptions written and engraved on stone by two Nguyen Emperors, Thiệu Trị (1841-1847) and Tự Đức (1848-1883), these two steles were stationed at Imperial Academy (Quoc Tu Giam) of the Nguyen Dynasty in Hue. In which, the stele which was written by Emperor Thiệu Trị in 1843, currently erected in the middle of Imperial Academy courtyard, due to time and war, this stele was broken in several places; the stele was written by Emperor Tự Đức in 1854, originally erected outside the courtyard, also for the same reason, the words on this stele have worn out and can no longer be read for more than 30 years. We promptly copied it more than 40 years ago and consulted many more documents of the Nguyen Dynasty until now to restore both of them to the original and solemnly introduced to readers.

Keywords: Imperial Academy, steles at Imperial Academy in Hue, Inscriptions in Hue

Giao dục và khoa cử Nho học ở nước ta được hình thành từ niên hiệu Anh Vũ Chiêu Thắng năm thứ nhất, tức năm Bình Thỉn 1076¹ đời Lý Nhân Tông với việc nhà vua cho dựng Quốc Tử Giám ở kinh thành Thăng Long. Từ đó về sau, Quốc Tử Giám đã phát triển ngày càng mạnh, dù có nhiều đổi thay về quy mô, tổ chức, qui chế học tập và khoa cử tùy theo yêu cầu của từng triều đại, nhưng ở đây vẫn là nơi sản sinh anh tài ra phò vua giúp nước, góp phần xây dựng quốc gia hùng mạnh và văn hiến vẻ vang cho dân tộc.

Từ đầu thế kỷ XIX, sau khi thắng Tây Sơn, Nguyễn Ánh lên ngôi, lập kinh đô ở Huế, lấy niên hiệu là Gia Long. Năm Gia

Long thứ 2 (1803), nhà vua cho dựng Quốc Tử Giám trên địa phận làng An Ninh Thượng, phía tây của chùa Thiên Mụ, ngày đó đất này thuộc tổng An Ninh, huyện Hương Trà, phủ Thừa Thiên, nay thuộc phường Hương Long, thành phố Huế. Ban đầu trường có tên là Đốc Học đường, rồi đổi ra Quốc Học đường. Tháng 3 niên hiệu Minh Mệnh thứ nhất (1820), nhà vua cho sửa sang Quốc Học đường với quy mô to lớn hơn rồi đổi tên là Quốc Tử Giám.

Mô hình kiến trúc và cảnh quan Quốc Tử Giám của triều Nguyễn từ khi đang ở vị trí cũ cho đến lúc triều đình cho dời về

* NNC., Thừa Thiên Huế

dựng trong kinh thành vào năm 1908 đời Duy Tân (1907-1916)² xưa nay đã được nhiều nhà nghiên cứu miêu tả, giới thiệu khá chi tiết và đã được công bố trên nhiều sách báo. Qua đó có thể nói Quốc Tử Giám triều Nguyễn có qui mô to lớn, đủ điều kiện và phương tiện cho việc kế tục các triều đại trước trong sự nghiệp đào tạo nhân tài cho đất nước, cũng là một cảnh quan xinh đẹp như vua Thiệu Trị từng xếp vào thứ 18 trong số 20 cảnh đẹp của đất thần kinh³. Và, cứ mỗi cảnh đẹp, nhà vua làm một bài thơ rồi sai bộ Công khắc lên đá tốt và cho dựng ngay ở thắng cảnh đó. Bài *Huỳnh tự thư thanh* dưới đây chính là bài thơ của vua Thiệu Trị viết về Quốc Tử Giám, là một trong hai bài thơ được khắc vào đá, lập thành hai tấm bia dựng trong khuôn viên Quốc Tử Giám Huế:

1. Bài 1

Nguyên văn:

巽序書聲

辟雍之設宣揚教道天下英才
太學之人磅礴流通古今事理
弘文館四方翕集遠播皇風
園橋門兆眾聽觀增隆世道
執經問難豈不思天古有光
繼晷焚膏應無暇三餘講誦
是為神京之第十八名勝也
成均遊藝惜光陰
夜半吟哦倚案吟
鼓吹九經調雅韻
笙簧六籍聽佳音
武城餘響弦歌美
齒胄芳聞意味深
遜志策勤相播告
興文用慰待賢心
紹治三年閏七月吉日

御制詩一首

維新二年十月吉日

原在安寧上社地分是年移構國子監
併將石碑豎立于此

Phiên âm:

Huỳnh tự thư thanh

*Tích Ung chi thiết tuyên dương giáo
đạo thiên hạ anh tài,*

*Thái học chi nhân bàng bạc lưu thông
cổ kim sự lý.*

*Hoàng Văn quán tứ phương hấp tập
viễn bá hoàng phong,*

*Viên Kiều môn triệu chúng thánh quan
tăng long thế đạo.*

*Chấp kinh văn nạn khởi bát tư thiên cổ
hữu quang,*

*Kế quỹ phân cao ứng vô hạ tam dư
giảng tụng.*

*Thị vi thần kinh chi đệ thập bát danh
thắng dã,*

Thành quân du nghệ tích quang âm.

Dạ bán y ngô ý án ngâm,

Cổ xuy cửu kinh điều nhả vận.

Sênh hoàng lục tịch thánh giai âm,

Vũ thành dư hưởng huyền ca mỹ.

Xi trụ phương văn ý vị thâm,

Tổn chí sách cần tương bá cáo.

Hưng văn dụng ụy đãi hiền tâm.

*Thiệu Trị tam niên nhuận thất nguyệt
cát nhật.*

Ngự chế thi nhất thủ,

Duy Tân nhị niên thập nguyệt cát nhật.

*Nguyên tại An Ninh Thượng xã địa
phận, thị niên di cấu Quốc Tử Giám tịnh
tương thạch bi thụ lập vu thử.*

Dịch nghĩa:

Tiếng đọc sách ở nhà Huỳnh tự⁴

Dựng nhà Tích Ung để tuyên dương
đạo lý đến anh tài thiên hạ,

Người từ Thái học toả ra mọi nơi sự lý
xưa nay là thế.

Hoàng Văn quán⁵ tụ hội bốn phương,
rộng truyền phong hoá hoàng triều,

Cửa Viên kiều⁶ mời người nghe giảng,
thế đạo càng thêm rạng rỡ.

Cầm kinh hỏi điều chưa rõ⁷ há chẳng
nhớ đạo sáng từ xưa,

Đốt dầu nổi ngày đọc sách lúc tam dư⁸
nào đâu rảnh được,

Đây là thắng cảnh thứ 18 của đất Thần
kinh vậy.

Chơi cảnh Thành quân⁹ tiệc tháng ngày,

Nửa đêm tựa án sách ngâm say.

Cửu kinh¹⁰ cất giọng vắn tươi đẹp,

Lục tịch¹¹ vắn đàn tiếng thoảng hay.

Xi trụ¹² vang vang lời bóng bảy,

Vũ thành¹³ lồng lộng ý sâu dày.

Bền lòng nhún chí theo lời dạy,

Nay lúc hưng văn đợi bậc tài.

Ngày tốt, tháng 7 nhuận, niên hiệu
Thiệu Trị thứ 3 (1843).

Thơ ngự chế, một bài.

[Dựng lại] vào ngày tốt, tháng 10, niên
hiệu Duy Tân thứ 2 (1908).

[Bia này] nguyên đặt [ở Quốc Tử
Giám] tại địa phận làng An Ninh Thượng,
năm này dời Quốc Tử Giám [về bên cạnh
hoàng thành] nên đưa bia về theo dựng lại
ở đây.

Ở Quốc Tử Giám triều Nguyễn, ngoài
tám bia của vua Thiệu Trị đã nói trên đây,
vào năm 1854, niên hiệu Tự Đức thứ 7,
nhân lễ Thị học, nhà vua đã đến thăm
Trường và đã ra dụ, viết bài tựa cùng 14
chương thơ thể hiện sâu sắc sự quan tâm
của nhà vua với việc giáo dục khoa cử
nước nhà, đồng thời động viên khuyến

khích thầy và trò ở Quốc Tử Giám phải
chuyên trau dồi, rèn luyện, hết lòng với
việc giảng dạy và học tập để góp phần xây
dựng nền văn hiến của nước nhà ngày càng
rực rỡ. Bài này cũng được giao Bộ Công
chọn đá khắc lên, cho dựng ở cửa Quốc Tử
Giám “để thầy trò sớm chiều vào ra chiêm
ngưỡng, xem như trẫm luôn có mặt để
khuyến bảo và cũng để lưu truyền điển lớn
này đến vô cùng”¹⁴.

2. Bài 2

Nguyên văn:

嗣德柒年貳月貳十玖日內閣欽奉上諭

茲視學禮慶成甚慰朕有文之意朕經
親製視學詩并序以策勵多士著禮部預飭
整備儀仗船艘派出禮部參知范貴內閣侍
郎武維寧以來月初一日賚捧此詩并勅諭
至國子監傳集自兼領大臣至諸生列跪于
庭武維寧宣詩宣諭頒示又用金榜粘揭于
彝倫堂五日遞回再將詩篇并序刊版印給
人各一通並錄交工部酌擬議碑式進覽竣
得旨後勒于豐珉豎于太學俾便師生朝夕
出入瞻誦省察亦如朕面諭也兼且垂於無
窮用彰盛典。

欽此。

御製視學詩并序

生知至聖猶好問察下學上達必資修
省蓋建國居民育德礪行莫先於學學乎學
乎其至矣乎是故三代皆重庠序之制漢永
平始復辟雍之典懿矩炳煥朕甚慕焉今仰
藉天祖眷佑國家寧泰行禮樂宣德化正其
辰也朕久懷至道欲復古禮乃命春署撰儀
太史諏吉工曹設幄太常習禮凡百執事各
恭乃司爰以仲春郊祀後丁日首舉盛典於
是造舟爲梁張翠葩達左纛駕鸞和之車泛
龍翔之舟矯矯虎臣駿奔左右是日也零露
瀼瀼明星有爛俄而旭日始旦和風習習初
詣文廟窮釋菜之禮慰羹牆之感復幸太學
開經幄翼宇光清增衿生色諸儒升堂披經
論道冠帶森列盈庭聽講朕亦旁詢博訪辰
出已見以闡微言誠不敢如明帝正坐自講

用弘儒說達下情是一堂泰交怡怡然如在
春風和氣之中矍相習射闌橋觀禮儼然在
目朕甚嘉之且朕以一日萬幾不遑暇食猶
虛懷屈已崇師重道况子大夫生逢文運久
霑教思大凡正心修身致君濟世於是乎在
其可忽諸尚其明聽朕言咸迪朕志夫孝於
事親忠於事君學之本也業精於勤行成於
思學之序也深味斯言千古不易子大夫其
念哉當爲君子之儒毋慕人爵之得然後以
之而立德立功立言習基於此使乎道暢化
成風淳俗美增光前列永保鴻圖斯毋負樂
育之心子大夫其懋勉之因效雅體賦詩十
四章示之用仲已意其辭曰：

皇天眷命

篤生聖神

奄有大南

奉天子民

重熙累洽

德博化淳

制禮作樂

偃武修文

一章

肆予冲人

纘承丕緒

夙夜祇勤

不敢寧處

思光前列

妥考古語

及茲辰清

盛典首舉

二章

歲維甲寅

律應夾鐘

日維彊圉

穀旦恰逢

日麗風和

春氣方濃

先陳菜釋

復舉臨雍
三章

繫彼尼山
鐘靈至聖
刪詩定書
修道率性
如日中天
萬世無競
緬懷芳躅
撫躬起敬
四章

簋虞設矣
干羽列矣
籩豆靜嘉
妥侑切矣
我酒既清
一人奠之
我牲既馨
公卿薦之
五章

春官贊儀
歌工奏樂
升降秩然
精誠儼若
四配十哲
陪響不錯
保佑斯文
千秋昭爍
六章

翹瞻廟貌
松檜鬱蔥

古幹勁直
孔林遺風
香江澄湛
洙泗攸同
出門躑躅
歆慕何窮
七章

乃泛龍舟
乃陟巖宇
大昕鼓徵
儒林雲聚
法駕位止
佩玉節武
彝倫堂中
經幄面午
八章

皤皤國老
上庠式仰
左經右書
講論精讜
道在執中
學惟勉強

是日講書經大禹謨自人心惟危至弗
詢之謀勿庸中庸自天下之達道五至及其
成功一也等章

如受丹書
神端氣爽
九章

文質彬彬
冠裳濟濟
滿坐聽講
闡橋觀禮
漢矩唐規

萃于堂陞
朕心閱懌
大賚一體
十章

匪曰賚之
宣父餘澤
繼晷焚膏
何吝金帛
匪曰金帛
未足補益
其惟善言
垂諸簡冊
十一章

咨爾有衆
尚迪朕旨
砥節礪行
窮經博史
動靜云爲
一循天理
國爲忠臣
家爲孝子
十二章

以之顯身
親友光樂
以之濟世
樹立聲名
衮影無愧
可質神明
以答君國
樂育作成
十三章

維天爲大
維聖則之

宣德班政

維君維師

化民成俗

以風四陲

上下欽哉

永世有辭

十四章

維新二年十月吉日

原在安寧上社地分是年移構國子監
併將石碑豎立于此。

Dịch nghĩa¹⁵:

Ngày 29 tháng 2, niên hiệu Tự Đức thứ 7 (1854), Nội các kính vâng dụ của Hoàng thượng¹⁶.

Nay khánh thành lễ Thị học¹⁷, thật đã an ủi được ý trọng văn của trẫm. Trẫm đã thân hành làm thơ Thị học cùng bài tựa để khích lệ hàng sĩ tử, sai Bộ Lễ chuẩn bị đầy đủ nghi trượng, đồng thời phái quan Tham tri Bộ Lễ là Phạm Quý¹⁸ và Thị lang Nội các là Vũ Duy Ninh¹⁹ vào ngày mùng 1 tháng tới mang thơ, bài tựa và sắc dụ này đến Quốc Tử Giám rồi truyền lệnh triệu tập từ Kiêm lãnh đại thần đến sinh viên, tất cả đều quỳ trước sân, Vũ Duy Ninh tuyên đọc thơ, dụ và dặn dò, xong niêm yết lên bảng vàng đặt ở nhà Di luân²⁰ trong năm ngày rồi thu về. Tiếp đó lại cho khắc in thơ và tựa, cấp phát cho từng người để cùng thông hiểu, đồng thời giao cho Bộ Công bàn thảo tính liệu cỡ bia thích hợp rồi trình lên xem. Sau khi có chỉ, hãy cho khắc vào đá tốt, dựng ở nhà Thái học để thầy trò sớm chiều vào ra chiêm ngưỡng, xem như trẫm luôn có mặt để khuyên bảo vậy, và cũng để lưu truyền điển lớn này đến vô cùng. Khâm thủ.

Ngự chế thơ Thị học và lời tựa.

Bậc sinh tri chí thánh còn ham học hỏi, suy xét. Học dưới mà thông đạt lên trên chính do dày công tu tỉnh vậy. Bởi việc

dựng nước an dân, nuôi dưỡng đức hạnh thì trước hết không gì hơn là học, học chính là chỗ ấy. Cho nên, ngay từ thời Tam Đại²¹ đều đã tôn trọng qui chế trường ốc²², nhưng đến niên hiệu Vĩnh Bình²³ nhà Hán mới khôi phục phép tắc Tích Ung. Qui chế đã rất rõ ràng, thật trẫm vô cùng mến mộ.

Nay ngửa trông nhờ ơn trời đất tổ tông thương yêu che chở mà nước nhà được yên vui, nên việc thực hành lễ nhạc²⁴, tuyên dương đức hoá²⁵ nay quả là đúng lúc vậy.

Lâu nay trẫm luôn lo nghĩ đến đạo lớn, những muốn khôi phục lễ nghi xưa, nên đã sai quan Xuân thụ²⁶ biên soạn nghi thức, quan Thái sử²⁷ chọn ngày tốt, Công tào²⁸ trang trí, quan Thái thường²⁹ tập lễ, mọi người ai vào việc nấy. Định chọn ngày Đinh trong tháng 2, sau lễ tế Giao, thì cử hành điển lễ quan trọng này.

Ngày đó kết thuyền làm cầu, trương cờ Thuý ba³⁰, cờ Tả đạo³¹, đi xe Loan hoà³², ngồi thuyền Long tường³³. Đó là một ngày mà hết thầy bề tôi oai nghiêm hùng hậu, tả hữu đông đúc, sương rơi lác đác, ánh sao rực rỡ, mặt trời nhô lên trong gió vi vu êm ái. Trước hết đến Văn Miếu làm lễ tạ Tiên sư để tỏ lòng kính nhớ người đã ra công dìu dắt, sau mới đến nhà Thái học mở kinh giảng sách, khiến nhà Huỳnh Vũ vốn sáng tươi càng thêm rực rỡ. Các bậc đại Nho lên giảng đường mở kinh giảng đạo, mọi người khăn áo chỉnh tề, đông đúc trang nghiêm nghe giảng. Trẫm cũng tìm hiểu, hỏi han tả hữu, tự trình bày ý kiến của mình để xiển dương những điều vi diệu. Trẫm chân thành không dám như Minh đế³⁴ chỉ ngồi giảng sách, rộng truyền học thuyết của đạo Nho mà thấu được tình của kẻ dưới. Đó là ngày mà ai nấy hoà vui, trong gió xuân nồng ấm, người đua nhau tập bắn, kẻ xem lễ chật cầu, cảnh tượng trước mắt khiến trẫm vô cùng vui thích.

Riêng trăm, một ngày biết bao nhiêu công việc, chẳng được thông thả để ăn uống, vậy mà còn nép mình kính thầy trọng đạo, hướng chỉ sĩ đại phu các người sinh ra gặp lúc vận vận từ lâu thấm nhuần rộng khắp! Đại để việc giáo dục cốt ở lòng ngay, sửa mình, thờ vua giúp đời, những điều ấy các người chớ nên xao lãng, các người hãy nhớ kỹ lời của trăm, làm theo chí của trăm. Hiếu là biết thờ cha mẹ, trung là biết thờ vua, đó là căn bản của việc học. Nghề nghiệp tinh xảo là do cần mẫn, nét hạnh đúng đắn là nhờ nghĩ suy³⁵, đó là trình tự của việc học, các người cứ nghĩ mà xem, lời nói ấy ngàn đời không thay đổi, từ đại phu các người phải thường nhớ lấy. Đã là bậc quân tử của đạo Nho thì không nên tham chuộng tước lộc của người đời, mà phải lo lập đức, lập công, lập ngôn, những điều ấy cũng đều lấy từ việc học làm cơ sở cả. Các người cố làm sao cho đạo được thông suốt thành thực, làm sao cho phong tục được thuần hậu tốt đẹp để tăng thêm đức sáng của tiên nhân, giữ cơ nghiệp được yên ổn bền lâu. Từ đại phu các người gắng sức nghe theo lời trăm để không phụ tấm lòng thiết tha dạy bảo của trăm.

Nhân theo thể *Nhã* của *Kinh Thi*, làm 14 chương thơ để tỏ bày ý của trăm, thơ rằng:

Chương 1

Trời cao giúp rập,
Kíp sinh thánh thần.
Đại Nam toàn cõi,
Thay trời chấn dân.
Càng thêm sáng tỏ,
Đức hoá rộng thuần.
Chế lễ đặt nhạc,
Dừng võ lo văn.

Chương 2

Ta đương tuổi trẻ,
Kế tục mỗi giềng.
Ngày đêm siêng sẵn,
Chẳng dám ở yên.
Làm sáng nghiệp tổ,
Theo lời cổ nhân.
Gặp thời khí đẹp,
Lễ lớn cử hành.

Chương 3

Vừa năm Giáp Dần,
Ứng với Giáp chung³⁶.
Giữ yên bờ cõi,
Gặp buổi sáng hồng.
Trời đẹp gió dịu,
Khí xuân tươi nồng.
Trước đi lễ Tổ,
Sau đến Lâm Ung.

Chương 4

Ôi núi Ni³⁷ kia,
Đức nên bậc Thánh.
San định *Thi*, *Thư*,
Sửa đạo, rèn tính.
Vằng vặc giữa trời,
Muôn đời ai sánh.
Tưởng nhớ dấu thơm,
Nghiêng mình cung kính.

Chương 5

Chuông khánh bày xong,
Đội múa sẵn có.
Tế phẩm đủ đầy,
Yên đâu vào đó.
Rượu rót trong xanh,
Người dâng cúng Tổ.
Lễ vật tốt tươi,
Công khanh kính tỏ.

Chương 6

Xuân quan xướng nghi,
Nhạc sinh tấu nhạc.
Hưng bá rập ràng,
Thành kính chững chạc.
Tứ phối Thập triết³⁸,
Chung hưởng chẳng sót.
Gìn giữ mạch văn,
Nghìn thu xán lạn.

Chương 7

Ngẫm nhìn miếu đường,
Tùng thông rợp bóng.
Cây cối thẳng hàng,
Dấu xưa cửa Không.
Dòng Hương trong xanh,
Thù, Tú³⁹ chung bóng.
Ra cửa ngập ngừng,
Vô cùng trân trọng.

Chương 8

Bước xuống thuyền rồng,
Lên nhà Huỳnh vũ.
Tiếng trống khua vang,
Sĩ lâm đầy đủ.
Pháp giá⁴⁰ vừa dừng,
Mang ngọc tiết vũ.
Giữa nhà Di Luân,
Màn xây hướng Ngọ.

Chương 9

Quốc lão đầu bạc,
Lên lớp ngẩng trông.
Hai bên kinh sách,
Luận bàn tinh thông.
Học nên gắng sức,
Đạo cốt chấp trung⁴¹.

(Hôm ấy giảng *Kinh Thư*, chương *Đại Vũ mô*, từ câu *Nhân tâm duy nguy*... đến

câu *Phất tuân nhi mưu vật dụng*. Và sách *Trung dung*, từ câu *Thiên hạ chi đạt đạo ngũ*... đến *Cập kỳ thành công nhất dã*).

Như được sách quý,
Sảng khoái ung dung.

Chương 10

Văn chất bản bản⁴²,
Áo khăn tề chỉnh.
Nghe giảng đầy sân,
Chật cầu xem lễ.
Khuôn phép Hán Đường,
Hắn hoi bộ vệ.
Lòng trầm mừng vui,
Cả khen một thể.

Chương 11

Không phải cho sông,
On thừa Tuyên Phủ⁴³.
Đốt dầu nôi ngày⁴⁴,
Tiếc gì vàng lụa.
Vàng lụa quý sao,
Bỏ ích chưa đủ.
Chỉ có lời hay,
Lưu trong sách vở.

Chương 12

Hồi các sĩ tử,
Làm theo ý ta.
Trau dồi tiết hạnh,
Kinh sử rộng xa.
Động tĩnh nương lấy,
Lễ trời mà ra.
Tôi trung giữa nước,
Con hiếu trong nhà.

Chương 13

Lấy đó vinh thân,
Về vang quyền thuộc.
Lấy đó giúp đời,

Tạo nên tiếng tốt.
 Chẳng thẹn bóng chấn⁴⁵,
 Chí thần kế tục.
 Đền ơn nước, vua.
 Tác thành dưỡng dục,
Chương 14
 Chỉ trời lớn nhất,
 Đến bậc Thánh nhân.
 Thi hành đức chính,
 Vua, thầy dạy dân.
 Dựng đời tươi đẹp,
 Bốn phương xa gần.
 Dưới trướng tuân giữ,
 Lừng lẫy muôn phần.

[Dựng lại] vào ngày tốt, tháng 10 niên hiệu Duy Tân thứ 2 (1908).

[Bia này] nguyên đặt [ở Quốc Tử Giám] tại địa phận làng An Ninh Thượng, năm này dời Quốc Tử Giám [về bên cạnh hoàng thành] nên đưa bia về theo dựng lại ở đây.

Trước đây chúng tôi đã có dịp giới thiệu hai bài văn bia này trên *Thông tin Khoa học* của trường Đại học Tổng hợp Huế, vì bấy giờ chưa có điều kiện thuận tiện nên chỉ mới cung cấp được bản dịch, thiếu nguyên bản chữ Hán, mặc dù chúng tôi đã kịp chép bài văn bia “Thị học” của vua Tự Đức ở đó từ khá sớm, năm 1974, trước khi mặt bia bị mòn nhẵn, không còn đọc được như hiện nay⁴⁶. Lần này chúng tôi giới thiệu hai bài văn bia đủ bốn phần: nguyên văn chữ Hán, phiên âm, dịch nghĩa và chú thích, có bổ sung, sửa chữa một số chi tiết, nhằm muốn góp một phần nhỏ vào việc bảo tồn di sản quý giá của dân tộc, đồng thời cũng mong được chung tay với Huế trong việc xây dựng Huế thành thành phố di sản đặc biệt của Việt Nam./.

P.Đ

Chú thích

1. Lý Nhân Tông ở ngôi đến 56 năm (1072-1128) và có đến 8 niên hiệu, Anh Vũ Chiêu Thắng (1076-1084) là niên hiệu thứ hai.

2. Con bão lớn năm Giáp Thìn (1904) đã làm cho Quốc Tử Giám hư hỏng rất nặng, vì vậy đến năm 1908 triều đình đã cho dời về chỗ hiện nay.

3. Được gọi *Thần kinh nhị thập cảnh*, là chùm thơ của vua Thiệu Trị viết về 20 cảnh đẹp của đất Thần kinh. 20 bài này vốn được chép trong *Ngự đề đồ hội thi tập* của nhà vua, do các quan Nội các tập hợp, sắp xếp và tổ chức bản thảo xong vào khoảng tháng 6 năm 1844. (Dựa theo *Thần kinh nhị thập cảnh* - Thơ vua Thiệu Trị của nhóm nghiên cứu thuộc TTBTDT Huế, NXB. Thuận Hoá, 1997, tr. 33-60).

4. Những chữ Huỳnh Tự (饗序); Tích Ung (辟雍); Thái học (太學); Lâm Ung (臨雍) trong bài này đều là những tên gọi khác của Quốc Tử Giám.

5. Hoàng Văn Quán (弘文館): Cơ quan coi việc giáo dục, trước gọi là Tu văn quán, đến niên hiệu Vũ Đức (618-626) đời Đường Cao Tổ thì đổi thành Hoàng Văn Quán, cũng còn gọi là Chiêu Văn. Trong đó đặt những chức quan như Tường chính Học sĩ, Giảng kinh Bác sĩ và Hiệu thư để lo việc giảng dạy.

6. Do chữ Viên Kiều môn (圓橋門): Thời Minh đế nhà Hán (58-76), vua cho lập trường học gọi là Tam Ung và vua tự thân giảng kinh sách, người đến nghe và xem rất đông, họ đứng thành vòng tròn nên mới gọi là Viên Kiều.

7. Do chữ Chấp kinh vấn nạn (執經問難): Cầm sách hỏi han những điều khó hiểu, ý chỉ học tập một cách chăm chỉ.

8. Tam dư (三餘): Trong *Tam quốc chí chú* (三國志注) ghi Tam dư là ba khoảng thời gian mà người ta rất khó tiến hành công việc, gồm: mùa Đông (tuyết giá) là phần dư của năm, đêm (tối tăm) là phần dư của ngày và khi trời mưa gió (âm u) là phần dư của khi tạnh ráo. Ở đây muốn nói người đi học phải tranh

thủ thời gian để học tập ngay cả trong ba khoảng thời gian (tam dư) không thuận lợi ấy.

9. Thành quân (成均): Tên gọi trường học của nhà nước phong kiến có từ thời Ngũ đế [ước chừng TK. 26 - TK. 22 Tr.CN. Ngũ đế: hiện nay có đến nhiều ý kiến khác nhau, nhưng phổ biến là gồm: Hoàng Đế (黃帝), Chuyên Húc (顓頊), Đế Khốc (帝嚳), Đế Nghiêu (帝堯) và Đế Thuấn (帝舜)] của Trung Quốc cổ đại, về sau mới đổi là Quốc Tử Giám.

10. Cửu kinh (九經): Là 9 bộ sách quan trọng của Nho gia. Có hai cách giải thích: 1. *Chu lễ, Nghi lễ, Lễ ký, Tả truyện, Công Dương truyện, Cốc Lương truyện, Thi kinh, Thư kinh* và *Dịch kinh*. 2. *Dịch kinh, Thượng thư, Thi kinh, Tả truyện, Lễ ký, Chu lễ, Hiếu kinh, Luận ngữ* và *Mạnh Tử*.

11. Lục tịch (六籍): 6 bộ sách quan trọng của Nho gia. Gồm: *Thi, Thư, Dịch, Lễ, Nhạc* và *Xuân Thu*.

12. Xỉ trư (齒胄): Từ chỉ con của vua và của các công khanh, ở đây nói nơi học tập của hàng con vua và con các đại thần, sau này mới gọi là Quốc Tử Giám.

13. Vũ Thành (武城): Cũng gọi là Nam Vũ Thành, thành này thuộc nước Lỗ thời Xuân Thu, nay thuộc tỉnh Sơn Đông (Trung Quốc). Theo thiên *Ung dã* trong sách *Luận ngữ*, Tử Du - một học trò xuất sắc của Khổng Tử, từng làm chủ tướng ở thành này. Ông vốn giỏi văn chương và âm nhạc nên ông đã đưa hai loại hình này vào việc giáo hoá quần chúng ở nơi ông đang quản nhậm.

14. Trích câu cuối bài dụ của vua Tự Đức trong bài văn bia này.

15. Do khuôn khổ có hạn nên chúng tôi lược bỏ phần phiên âm.

16. Trong *Ngự chế văn ngữ tập* của vua Tự Đức, đề bài dụ này ghi là: *Ban thị Thị học thi dụ Quốc Tử Giám dụ* (頒示視學詩諭國子監諭).

17. Thị học (視學): Một nghi lễ được đặt ra từ thời nhà Chu (Trung Quốc). Trong lễ này nhà vua đến thăm Quốc Tử Giám, cung dưỡng các thầy đồng thời thăm viếng và xem xét việc học tập của sinh viên.

18. Phạm Quý: Chữ Quý (貴) ở đây là tên người, có thêm bộ Ngọc (玉) ở trước. Phạm Quý, còn có tên là Phạm Khôi, người xã Kim Đôi, huyện Vũ Giáng, phủ Từ Sơn trấn Bắc Ninh. Ông sinh năm Ất Sửu (1805) trong một gia đình có nhiều người đỗ đạt như Phạm Bá Đệ, Phạm Bá Thiệu. Phạm Quý đỗ Cử nhân khoa Mậu Tý (1828) ở trường thi Thăng Long, năm sau đỗ Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ khoa Kỷ Sửu niên hiệu Minh Mệnh thứ 10 (1829) lúc mới 25 tuổi. Buổi đầu ông nhận chức Hàn lâm viện Biên tu, sau được bổ Tri phủ Diên Khánh, Án sát Lạng Sơn, rồi Án sát Bình Định, thăng Tổng đốc Bình Phú (Bình Định - Phú Yên), sau chuyển về kinh giữ chức Thị lang Bộ Binh. Qua đầu đời Tự Đức (1848-1883), Phạm Quý được cử giữ chức Hữu Tham tri Bộ Lễ rồi mất khi đương chức.

19. Vũ Duy Ninh (武惟寧: 1804 -1859): Tên tự là Trọng Chí, hiệu Trúc Nghiêm, gốc làng Đại An, xã Hành Phong, phủ Tư Nghĩa, (nay thuộc xã Hành Thuận, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi). Vũ Duy Ninh đỗ cử nhân khoa Giáp Ngọ (1834), được cử làm Hành tẩu Bộ Lại. Đầu niên hiệu Tự Đức (1848-1883), Vũ Duy Ninh được bổ chức Bố chánh tỉnh Phú Yên, 1852 triều đình triệu về bổ chức Tham tri Bộ Lại. Ông từng được cử làm Phó chủ khảo kỳ thi Hương ở Thanh Hoá (1850) và duyệt quyển khoa thi Hội (1852). Năm 1858, khi liên quân Pháp - Tây Ban Nha đánh vào Đà Nẵng, Vũ Duy Ninh được cử vào bảo vệ Gia Định để chuẩn bị đánh Pháp. Năm 1859, ông được bổ chức Tổng trấn Định Biên (Gia Định - Trấn Biên), trong trận đánh giữ thành Gia Định, ông bị thương, khi thành thất thủ, ông đã tuẫn tiết vào ngày 17.2.1859, nhằm ngày mừng 4 Tết Kỷ Mùi. Về sau, gia

đình đã dời mộ ông từ Gia Định về an táng ở quê nhà là làng Xuân An, xã Hành Thuận, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

20. Do chữ Di Luân đường (彝倫堂): Tên gọi ngôi nhà chính trong quần thể kiến trúc của Quốc Tử Giám triều Nguyễn.

21. Tam Đại (三代): Từ chỉ chung 3 triều đại của lịch sử cổ đại Trung Quốc : Hạ (夏), Thương (商) và Chu (周). Tam Đại kéo dài trong khoảng từ thế kỷ 22 TCN đến năm 256 TCN.

22. Ý nói chính quyền phong kiến thời đó đã rất quan tâm đến tổ chức giáo dục.

23. Vĩnh Bình (永平): Là niên hiệu của vua Hán Minh Đế (58-76) nước Trung Quốc.

24. Lễ nhạc (禮樂): Theo quan niệm của các quốc gia phong kiến phương Đông, Lễ Nhạc (chỉ áo mũ nhằm phân biệt thứ bậc và âm nhạc để phân biệt nghi thức), đó là hai yếu tố cùng với các yếu tố về chính trị, hiến pháp, luật lệ, sách vở, văn bản... làm nên nền văn hiến của một quốc gia, một dân tộc.

25. Đức hoá (德化): Nền chính trị dựa trên cơ sở đạo đức, chủ trương lấy đức để giáo hoá quần chúng.

26. Xuân thư (春署): Còn gọi là Xuân quan, một chức quan thuộc Bộ Lễ chuyên coi việc tế lễ. Vào năm đầu niên hiệu Quang Trạch (684) thời Võ hậu nhà Đường, cải Bộ Lễ thành Xuân quan.

27. Thái sử (太史): Tên một chức quan có từ thời Tam Đại, là vị quan đứng đầu một tổ chức phụ trách việc chọn giờ ngày tốt trong triều đình.

28. Công tào (工曹): Chữ Tào là một bộ phận trong một Bộ. Công Tào là một bộ phận thuộc Bộ Công.

29. Thái thường (太常): Tên gọi một chức quan chuyên trông coi việc tế tự ở tông miếu.

30. Thuý ba (翠葩): Chỉ một loại cờ có cắm lông chim trả màu xanh biếc, cờ này chỉ cắm ở trước xe của vua.

31. Tả đạo (左纛): Đạo là tên một loại cờ, cũng gọi là cờ tiết mao, xe vua đi có cắm lá cờ này vào phía trái nên gọi là tả đạo.

32. Loạn hoà (鸞和): Một loại xe có mắc chuông loạn và chuông hoà, loại xe chỉ dùng cho vua đi.

33. Long tường (龍翔): Thuyền rồng dành cho vua đi.

34. Minh Đế (明帝): Tên vua nhà Đông Hán, con thứ tư của Hán Vũ Đế. Ông là người ngay thẳng, giỏi phán xét và rất sùng đạo Nho. Ông thường đến Quốc Tử Giám giảng sách nên được giới Nho sĩ rất hâm mộ.

35. Lấy ý từ câu: Nghiệp tinh ư cần, hoang ư hi, hạnh thành ư tư, huỷ ư tuý (業精於勤, 荒於嬉。行成於思, 毀於隨) trích trong bài *Tiến học giải* của Hàn Dũ, một nhà văn lớn đời Đường.

36. Giáp chung (夾鐘): Tên gọi của tháng Mão, tức tháng 2 Âm lịch.

37. Núi Ni tức Ni Sơn (尼山): Cũng còn gọi là Ni Khâu, núi này ở về phía nam huyện Khúc Phụ tỉnh Sơn Đông (Trung Quốc), nơi Thúc Lương Ngột và Nhan Thị đến cầu tự mà sinh được Khổng Tử. Vì vậy Khổng Tử được đặt tên là Khâu, sau lấy hiệu là Trọng Ni.

38. Tứ phối Thập triết (四配十哲): Tứ phối là 4 nhà Nho xuất sắc được thờ chung trong văn miếu, gồm: Nhan Hôi (học trò xuất sắc của Khổng Tử), Tử Tư (tức Khổng Cấp, cháu nội của Khổng Tử), Tăng Tử (tức Tăng Sâm, thầy của Tử Tư) và Mạnh Tử (372-289 Tr.CN). Thập triết là 10 học trò giỏi cả lục nghệ của Khổng Tử, gồm: Nhan Uyên, Mặc Tử Khiên, Nhiễm Bá Ngưu, Trọng Cung, Tề Ngã, Tử Cống, Nhiễm Hữu, Lý Lộ, Tử Du và Tử Hạ.

39. Thù, Tứ (洙-泗): Tên hai con sông tiêu biểu cho nền văn hoá thịnh đạt của nước Lỗ, cũng là nơi quê hương của Khổng Tử.

40. Pháp giá (法駕): Xe lớn dùng cho vua đi.

41. Chấp trung (執中): Một trong những tư tưởng quan trọng của Nho giáo. Tức giữ mức vừa phải, không thái quá, không bất cập. Theo Nho giáo, cả hai thái độ bất cập và thái quá đều không đúng.

42. Văn chất bản bản (文質彬彬): Một thành ngữ chữ Hán. Chất chỉ phần trong, văn chỉ phần ngoài. Ngoài tức đáng đáp, phong cách; trong tức nhận thức, trí tuệ... Văn chất bản bản chỉ bậc quân tử chân chính, đã kết hợp hoàn hảo giữa nội dung và hình thức, giữa tài năng và phong thái của người trí thức.

43. Tuyên Phủ (宣父): Chi Khổng Tử. Vào niên hiệu Trinh Quán thứ 11 (637), vua Đường Thái Tông đã tôn xưng Khổng Tử là Tuyên Phủ. Chữ phủ (父, một cách đọc khác của chữ phụ, nghĩa là cha) từ tôn vinh, kính trọng với một nhân vật lớn về tri thức, đạo hạnh.

44. Do chữ Kế quỹ phần cao (繼晷焚膏): Đốt dầu tiếp ánh sáng [của ban ngày], đây chỉ người chăm học, trời vừa tối đã vội đốt đèn lên để học. Trong bài *Tiến học giải* của Hàn Dũ (đã nêu trên), cũng có câu: 焚膏油以繼晷, 恆兀兀以窮年 (Phân cao du dĩ kế quỹ, hằng ngột ngột dĩ cùng niên); nghĩa là: Đốt dầu mỡ làm đèn tiếp ánh sáng mặt trời để đọc sách, kiên trì đầu đầu như thế suốt tháng năm. Đây là lời của Hàn Dũ viết thay học sinh khi nói về sự siêng năng cần mẫn trong việc học tập và nghiên cứu của thầy mình.

45. Bóng chẵn: Lấy ý một câu từ Thái Nguyên Định Truyện trong *Tổng sử*: 獨行不愧影, 獨枕不愧衾 (Độc hành bất quý ảnh, độc chẩm bất quý khâm): Đi một mình không thẹn với bóng, ngủ một mình không thẹn với chăn. Ý chỉ một cách sống nghiêm túc, đúng chức phận và trách nhiệm của người quân tử, như tinh thần của câu: Quân tử thận kỳ độc dã (君子慎其獨也) trong sách Trung Dung, tức người quân tử phải luôn thận trọng, dù chỉ một mình vậy.

46. Tấm bia này vốn dựng phía ngoài cổng Quốc Tử Giám, để trần giữa trời, qua thời gian, chữ trên bia ngày càng hồng, mặt bia đã bị mòn nhẵn, không đọc được từ hơn 30 năm nay, về sau cơ quan chức năng đã dựng nhà bia nhưng chữ trên bia vẫn chưa được phục hồi.

Tài liệu tham khảo chính

1. Phan Thuận An, Phạm Đức Thành Dũng, Phan Thanh Hải, Nguyễn Phước Hải Trung (1997), *Thần kinh nhị thập cảnh - thơ vua Thiệu Trị*, NXB. Thuận Hoá, Huế.

2. Phạm Đức Thành Dũng - Vĩnh Cao chủ biên (2000), *Khoa cử và các nhà khoa bảng triều Nguyễn*, NXB. Thuận Hoá, Huế.

3. Đại học Tổng hợp Huế (1991), *Thông tin khoa học số 7*.

4. Tụ Đức, *Ngự chế văn ngữ tập* (御製文五集), bản chữ Hán, tài liệu riêng của tác giả.